



Hợp tác  
Đức

DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Thực thi bởi

**giz** Deutsche Gesellschaft  
für Internationale  
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



# BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2024



## **CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**

Địa chỉ: Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243.8438792 - Website: <https://vnforest.gov.vn/>

## **KHỐI RỪNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC, MĂNG XANH, GIZ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Phòng 032, tầng 3, Tòa nhà Coco, 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.



# **BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2024**

## **Thông tin Xuất bản**

### **Tài liệu được công bố bởi**

Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) GmbH, thay mặt Bộ Hợp tác kinh tế và Phát triển Cộng hòa liên bang Đức (BMZ)

### **Văn phòng đăng ký trụ sở GIZ**

Bonn và Eschborn, Cộng hòa liên bang Đức

### **Chỉ đạo nội dung**

Ông Phạm Hồng Lượng, Phó cục trưởng, Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm

Bà Anja Barth, Cố vấn trưởng dự án, GIZ Việt Nam

### **Tác giả**

PGS TS. Bùi Thị Minh Nguyệt, Trường Đại học Lâm nghiệp

### **Đóng góp nội dung**

Bà Nguyễn Thị Hồng Lý, Trưởng phòng Truyền thông và Cơ sở dữ liệu lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm

Bà Tô Thị Thu Hương, Cán bộ cấp cao, GIZ Việt Nam

### **Ảnh**

©GIZ/Bình Đặng trang bìa, 5, 6, 7, 9, 10, 16, 18, 20, 21, 24, 25, 28, 30, 33, 35, 44

©GIZ/Phan Thành Tín trang 15, 29, 37

©GIZ/Nguyễn Thu Trang trang 14

### **Thiết kế**

Đỗ Thủy Tiên

### **Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm**

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích và các khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên thông tin do chuyên gia tư vấn, đối tác của GIZ, Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm, và cộng tác viên. Chúng không đại diện cho quan điểm của GIZ hay Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, BMZ. Những đơn vị này đều không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin trong tài liệu này và không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc tổn thất nào do việc sử dụng tài liệu này.

**Tháng 6, 2025**

# LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2024, Cục Lâm nghiệp nay là Cục Lâm nghiệp và Kiểm Lâm đã thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch được xây dựng. Với nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao và các kết quả đạt được của năm 2023 đòi hỏi năm 2024 ngành Lâm nghiệp phải thực hiện nhiều nhiệm vụ cả kinh tế, xã hội, môi trường. Ngành Lâm nghiệp vừa phải đảm bảo duy trì tỷ lệ che phủ rừng, bảo vệ và phát triển rừng vừa tập trung phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng phát huy giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng, ổn định đời sống người làm nghề rừng.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm xin giới thiệu “Báo cáo kết quả hoạt động của ngành Lâm nghiệp năm 2024”. Đây là trong loạt báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động của ngành với mục tiêu cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định về kế hoạch, phương án, chính sách phát triển ngành, đồng thời làm cơ sở để giám sát mức độ hoàn thành các mục tiêu chiến lược của ngành Lâm nghiệp qua từng năm, từng giai đoạn.

Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm đánh giá cao các cán bộ, chuyên gia lâm nghiệp và các tổ chức, dự án hỗ trợ lâm nghiệp đã hỗ trợ Cục hoàn thành Báo cáo này, đặc biệt là Dự án “Nhân rộng quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng ở Việt Nam” do Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp (MBFP) thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường và GIZ cùng thực hiện.

**CỤC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**  
**Cục trưởng**

**Trần Quang Bảo**



# MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	<b>5</b>
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT</b>	<b>8</b>
<b>SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2024</b>	<b>10</b>
<b>1. BỐI CẢNH CHUNG</b>	<b>16</b>
<b>2. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2023 CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP</b>	<b>18</b>
2.1. NHIỆM VỤ CHUNG	19
2.2. CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ	19
2.3. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	19
<b>3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG</b>	<b>21</b>
3.1. VỀ KINH TẾ	24
3.2. VỀ XÃ HỘI	24
3.3. VỀ MÔI TRƯỜNG	25
<b>4. XÂY DỰNG, BAN HÀNH CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CHÍNH</b>	<b>26</b>



4.1. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH CHÍNH SÁCH VÀ VĂN BẢN QPPL TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP	27
4.2. VỀ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CHÍNH CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP	27
4.3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH	27
<b>5. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH CHÍNH SÁCH VÀ VĂN BẢN QPPL</b>	<b>31</b>
<b>6. KẾT QUẢ TIÊU BIỂU</b>	<b>33</b>
6.1. ƯU ĐIỂM	34
6.2. HẠN CHẾ	34
<b>7. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025</b>	<b>35</b>
7.1. BỐI CẢNH	36
7.2. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	36
<b>CÁC PHỤ LỤC</b>	<b>38</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	<b>44</b>

# DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
BVR	Bảo vệ rừng
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
CP	Chính phủ
CT	Chỉ thị
DOF	Cục Lâm nghiệp (Department of Forestry)
DT	Diện tích
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
ĐD	Đặc dụng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ERPA	Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ
KL	Kết luận
NĐ	Nghị định
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
PH	Phòng hộ
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
SX	Sản xuất
TCCB	Tổ chức cán bộ
TW	Trung ương
VQG	Vườn quốc gia

# CÁC NỘI DUNG CHÍNH





# SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2024

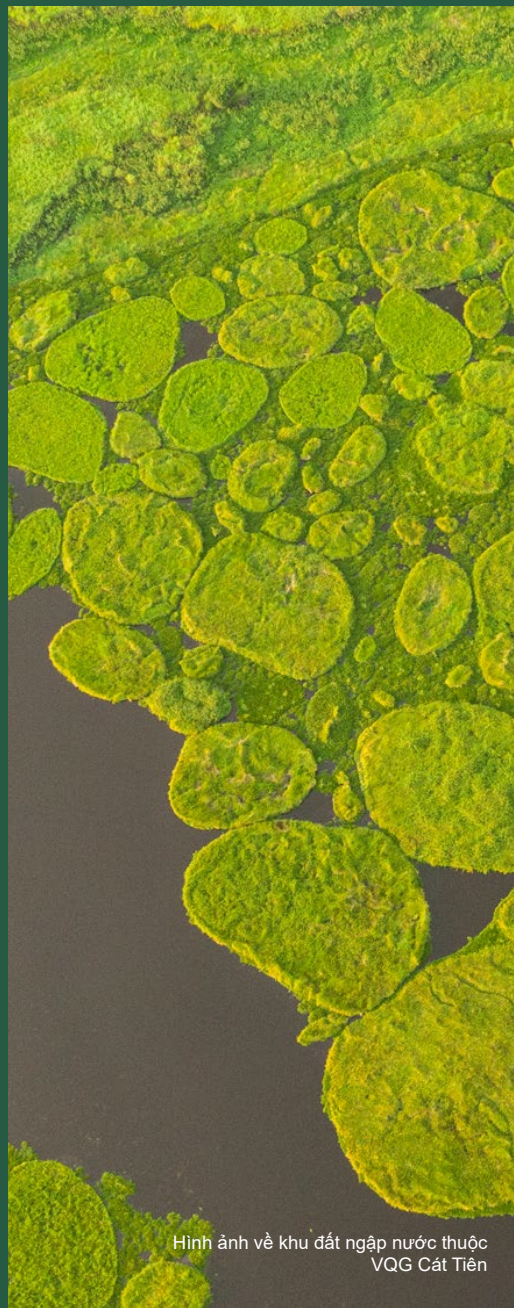
Cây Tung cổ thụ khoảng 400 tuổi - VQG Cát Tiên

# 01

## CHÍNH SÁCH QUAN TRỌNG ĐƯỢC BAN HÀNH, THÁO GỖ KHÓ KHĂN TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

Năm 2024, lĩnh vực lâm nghiệp đã tham mưu ban hành 12 VB QPPL, đã giải quyết cơ bản những vấn đề vướng mắc, khó khăn nổi cộm của ngành và các địa phương, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực lâm nghiệp có bước phát triển mới. Một số văn bản nổi bật, như Nghị định số 58/2024/NĐ-CP về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2028/NĐ-CP và một số Thông tư quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trong Lâm nghiệp.

Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được ban hành tháng 8 năm 2024 cũng đã tạo tiền đề, cơ sở và định hình rõ hơn sự phát triển của ngành lâm nghiệp trong thời gian tới, góp phần triển khai thực hiện Luật Quy hoạch, Luật Lâm nghiệp và cụ thể hóa Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.



Hình ảnh về khu đất ngập nước thuộc VQG Cát Tiên

# 02

## **THỨC ĐẨY MẠNH MẼ, CỤ THỂ HÓA QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN DỰA TRÊN KHAI THÁC GIÁ TRỊ ĐA DỤNG CỦA HỆ SINH THÁI RỪNG**

Thông qua việc tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đề án đã “thổi một luồng gió mới” thúc đẩy các hoạt động khai thác giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nhất là dịch vụ du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Cùng với đó, cụm từ “tín chỉ cacbon rừng” vẫn là một từ khóa thu hút sự quan tâm của xã hội, các doanh nghiệp, đối tác và người dân các khu vực có rừng. Các hoạt động thí điểm chi trả tại khu vực Bắc Trung Bộ được triển khai trong năm 2024 sẽ đặt “nền móng” vững chắc cho việc phát triển, hoàn thiện việc triển khai sâu rộng dịch vụ này trong tương lai.





Thác Mưa rơi tại Khu dự trữ thiên nhiên  
Thần Sa-Phượng Hoàng, tỉnh Thái Nguyên

# 03

## **SÁNG KIẾN THỨC ĐẨY DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA - PHÁT HÀNH HỘ CHIẾU VƯỜN QUỐC GIA**

Đây là lần đầu tiên tại Việt Nam triển khai sáng kiến này, với mục tiêu tạo cơ chế thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên. Tạo động lực cho du khách trải nghiệm và khám phá các giá trị của hệ sinh thái rừng. Từng bước hình thành cơ chế tài chính bền vững và tạo đà cho các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên có cơ sở hạ tầng du lịch có lượt du khách đến tham quan, đồng thời thu hút sự quan tâm của cộng đồng đến các giá trị bền vững của hệ sinh thái. Trong giai đoạn đầu, Hộ chiếu Vườn quốc gia được áp dụng tại 35 vườn quốc gia và một số khu bảo tồn thiên nhiên trong hệ thống rừng đặc dụng có hoạt động du lịch.

# 04

## THÚC ĐẨY HỢP TÁC CÔNG – TƯ TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ ĐA DỤNG CỦA HỆ SINH THÁI RỪNG

Năm 2024, Cục Lâm nghiệp đã ký kết hợp tác với Suntory PepsiCo Việt Nam. Đây trở thành một trong những công ty đầu tiên hợp tác chiến lược với Cục Lâm nghiệp, nay là Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm trong lĩnh vực phát triển rừng bền vững hướng đến bảo tồn nguồn nước và trung hòa các-bon. Bản ghi nhớ hợp tác nhằm thúc đẩy trồng rừng gỗ lớn, trồng cây bản địa kết hợp với dược liệu gắn với cải thiện sinh kế người dân và hướng đến mục tiêu tăng khả năng hấp thụ và trung hòa carbon, bảo vệ môi trường, tái tạo nguồn nước. Chương trình dự kiến trồng mới và làm giàu cho gần 250 ha rừng, tại khu vực rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ trên khắp cả nước.



Rừng trồng gỗ lớn tại công ty TNHH LN Sông Kôn, tỉnh Gia Lai

# 05

## GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU GỖ VÀ LÂM SẢN LẬP KỶ LỤC MỚI

Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 17,35 tỷ USD, vượt 14,1% so với kế hoạch năm 2024, tăng 20% so với năm 2023. Giá trị xuất siêu đạt 14,6 tỷ USD. Sản phẩm lâm sản của Việt Nam có mặt tại 170 quốc gia và vùng lãnh thổ, khẳng định vị thế hàng đầu, là trung tâm sản xuất và xuất khẩu lâm sản hàng đầu của thế giới.



Rừng gỗ lớn trồng xen cây bản địa của Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn, tỉnh Gia Lai.

# **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2024**

# 1.

## BỐI CẢNH CHUNG





Rừng trồng gỗ lớn của Công ty TNHH LN Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

Năm 2024, ngành Lâm nghiệp triển khai thực hiện kế hoạch trong điều kiện đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: tác động của biến đổi khí hậu dẫn đến các hình thái thời tiết cực đoan xảy ra bất thường, phức tạp như: hạn hán, lũ lụt, mưa đá, sạt lở, xâm nhập mặn..., đặc biệt là cơn bão số 3 (Yagi) đã làm thiệt hại hàng trăm ngàn ha rừng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất lâm nghiệp; bên cạnh đó, tình hình xung đột chính trị trên thế giới làm đứt gãy các chuỗi cung ứng sản xuất và tiêu dùng toàn cầu, trong đó có sản phẩm lâm nghiệp. Mặc dù vậy, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao, tháo gỡ khó khăn kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Bộ cùng với sự phối hợp của các bộ ngành, địa phương, ngành lâm nghiệp đã đạt được những kết quả quan trọng, tích cực, góp phần vào tăng trưởng chung của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Năm 2024 nhiều chính sách đã được ban hành đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ đặt ra của toàn ngành để giúp triển

khai thực hiện Luật Lâm nghiệp 2018; Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; và nhiều chương trình, đề án trọng điểm khác của ngành. Với hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, giải pháp, tổ chức thực hiện về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được triển khai toàn diện, đồng bộ góp phần vào tăng trưởng chung của ngành NN&PTNT.

Ngành Lâm nghiệp tiếp tục khẳng định vị thế, vai trò của ngành kinh tế - kỹ thuật đặc thù, các chỉ tiêu của ngành đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, công tác bảo vệ và phát triển rừng tiếp tục có chuyển biến tích cực; ứng dụng khoa học, công nghệ vào thực tiễn sản xuất, góp phần tăng năng suất, chất lượng rừng trồng. Đặc biệt là giá trị xuất khẩu lâm sản tiếp tục là một điểm sáng của ngành lâm nghiệp trong năm 2024.

# 2.

## MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2024<sup>1</sup>



Đường đi qua trảng cỏ Núi Tượng, Vườn quốc gia Cát Tiên

## 2.1. NHIỆM VỤ CHUNG

Triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu kế hoạch ngành; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chương trình, đề án, dự án của ngành.

## 2.2. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

- Tăng cường công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; chủ động linh hoạt, sẵn sàng ứng phó kịp thời với những tình huống phát sinh do thiên tai; ngăn chặn và xử lý kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về lâm nghiệp.
- Nâng cao chất lượng rừng.
- Tăng cường quản lý chất lượng giống.
- Thực hiện quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.
- Phát triển thị trường xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản.
- Thúc đẩy phát triển giá trị đa dụng của rừng.
- Tiếp tục triển khai Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA).
- Tổ chức quản lý rừng gắn với tổ chức sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các công ty nông, lâm nghiệp; triển khai thực hiện các hình thức kinh tế hợp tác và tổ chức liên kết sản xuất trong lâm nghiệp.

- Tăng cường triển khai công tác thông tin, truyền thông, chuyển đổi số và công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

## 2.3. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

### a) Các chỉ tiêu chính của ngành

- Tỷ lệ che phủ rừng: 42%
- Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp: 3,5-4,0%.
- Trồng rừng: 245.000 ha.
- Trồng cây phân tán: 130 triệu cây.
- Tổng số gỗ khai thác: 22,5 triệu m<sup>3</sup>;
- Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản: đạt 15,2 tỷ USD.
- Thu dịch vụ môi trường rừng: 3.200 tỷ đồng.
- Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững: 60.000 ha.

### b) Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án

#### \* Văn bản quy phạm pháp luật

- Tiếp tục hoàn thiện và bám sát việc ban hành các VBQPPL đã trình: 02 Nghị định<sup>2</sup>.

#### \* Xây dựng và trình ban hành các chương trình, đề án quan trọng

- Hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tổ chức triển khai có hiệu quả (Quyết định số 895/QĐ-TTg, ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ).
- Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số

<sup>1</sup> Cục Lâm nghiệp, Văn bản số 106/Ctr- LN- CĐS về Chương trình công tác năm 2024 của Cục Lâm nghiệp ngày 24 tháng 01 năm 2024

<sup>2</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định quy định về thanh lý rừng trồng



Động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên

208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai (Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 17/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ).
- Tiếp tục bám sát, xây dựng Đề án Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng hỗ trợ các địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh các tỉnh vùng Tây Nguyên (đã trình Thủ tướng Chính phủ).

*\* Tiếp tục thực hiện các chương trình, đề án đã được phê duyệt*

Tiếp tục thực hiện 12 chương trình, đề án quan trọng đã được phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục 03).



Phòng trưng bày tiêu bản các loài động vật xuất hiện trong VQG Cát Tiên

# 3.

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN



Cây đa lộc giao cổ thụ VQG Cát Tiên

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Với nhiều khó khăn, thách thức diễn ra, trong đó thách thức đặt ra rất lớn nhưng ngành Lâm nghiệp vẫn tiếp tục khẳng định được vị thế, vai trò của mình trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, đóng góp vào sự phát triển của Ngành, đảm bảo an sinh xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Trong năm 2024 hầu hết các chỉ tiêu của ngành đều đạt kế hoạch đề ra, ứng dụng khoa học - công nghệ vào thực tiễn sản xuất góp phần tăng năng suất, chất lượng rừng trồng. Công tác bảo vệ rừng tiếp tục có chuyển biến tích cực; công tác phát triển rừng tiếp tục được các địa phương thực hiện, huy động các nguồn lực xã hội và phát triển rừng, phục hồi rừng, nâng cao giá trị đa dụng của rừng ... Duy trì giá trị xuất khẩu lâm sản và vẫn là ngành hàng xuất khẩu chủ lực trong nhóm ngành nông lâm thủy sản.

Đáng lưu ý, ngành lâm nghiệp tiếp tục thực hiện thành công chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng - nguồn tài chính quan trọng, bền vững của ngành Lâm nghiệp sử dụng một cách có hiệu quả, thực sự góp phần tạo thu nhập bổ sung cho người làm nghề rừng và tham gia bảo vệ rừng.

Ngoài ra, các hoạt động lâm nghiệp đã tạo ra việc làm cho khoảng 5 triệu lao động trực tiếp. Chính sách hỗ trợ bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư với bình quân khoảng 6,2 triệu ha/năm, tạo nguồn thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới ở các vùng miền núi.<sup>3</sup>

Từ đó có thể thấy, các nhiệm vụ chính của ngành đã đạt được mục tiêu đề ra trong bối cảnh có nhiều thay đổi, các chính sách chưa đầy đủ, tình hình kinh tế khó khăn sau đại dịch. Với hệ thống các chính sách, đề án vừa được hoàn thiện sẽ mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển ngành Lâm nghiệp trong những năm tiếp theo.

<sup>3</sup> Hội thảo “Giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới” ngày 27/02/2024.





Hai mẹ con người bản địa Ká Thị Ngọc Hương và Ká Rên VQG Cát Tiên

Theo mục tiêu cụ thể của Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam và chỉ tiêu nhiệm vụ hàng năm của ngành, các kết quả đạt được đến năm 2024 như sau:

### 3.1. VỀ KINH TẾ

Giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 4,96%, đạt chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025. Giá trị xuất khẩu lâm sản đạt 17,35 tỷ USD (trong đó: Gỗ và sản phẩm gỗ 16,28 tỷ USD, lâm sản ngoài gỗ 1,07 tỷ USD), vượt 14,1% so với kế hoạch năm 2024. Giá trị xuất siêu cao đạt 14,6 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2023.

Trồng được gần 255 nghìn ha rừng tập trung và 124 triệu cây phân tán, vượt 4% kế hoạch năm, tăng 2% so với năm 2023 về trồng rừng tập trung.

Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng năm 2024 đạt khoảng 22,7 triệu m<sup>3</sup>, vượt 1% so với chỉ tiêu kế hoạch năm; Sản lượng khai thác gỗ từ cây phân tán và cây cao su khoảng 8 triệu m<sup>3</sup>, tăng 3% so với

năm 2023; Sản lượng củi: ước đạt 17,6 triệu ster, tương đương năm 2023.

Tổng nguồn thu từ các loại DVMTR năm 2024 là 3.741,3 tỷ đồng, trong đó: Thu từ DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP là 3.481,3 tỷ đồng, vượt 8,81% kế hoạch thu năm 2024, tăng 10,9% so với năm 2023; Thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ carbon theo quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP là 259,98 tỷ đồng.

Tổng số chủ rừng là tổ chức đã xây dựng, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững trong cả nước đạt 83,5% về số lượng chủ rừng và 92,7% về diện tích. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là hơn 619.187 ha, vượt mục tiêu của giai đoạn 2021 – 2025.

### 3.2. VỀ XÃ HỘI

Ngành lâm nghiệp đã tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện bảo vệ rừng khoảng trên

5 triệu lao động, góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho khoảng 25 triệu người dân sống gần rừng<sup>4</sup>. Cả nước hiện có trên 500.000 lao động làm việc lĩnh vực chế biến lâm sản, trong đó lao động được đào tạo, làm việc ổn định chiếm 55-60%. Diện tích rừng đã giao cho các hộ gia đình, cá nhân đang quản lý 3,19 triệu ha (chiếm 21,45% diện tích rừng), cộng đồng dân cư đang quản lý 1,05 triệu ha (chiếm 7,06% diện tích rừng) Khoán bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư với bình quân khoảng 6,2 triệu ha/năm<sup>5</sup>. Ngoài ra, các hộ gia đình, cộng đồng còn được hưởng lợi gián tiếp từ chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế cho các công đồng dân cư sống vùng đệm các khu rừng đặc dụng, với mức hỗ trợ 50 triệu đồng/cộng đồng/năm.

### 3.3. VỀ MÔI TRƯỜNG

Tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc tiếp tục duy trì ổn định ở mức 42,03%, đạt chỉ

tiêu kế hoạch đề ra. Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại 167 khu rừng đặc dụng (vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài và sinh cảnh ...), các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao. Cả nước đã phát hiện 3.138 vụ vi phạm, giảm 189 vụ (giảm 6%); diện tích bị tác động là 885,6 ha, giảm 162,6 ha (giảm 16%) so với năm 2023. Về cháy rừng: đã xảy ra 288 vụ, giảm 22 vụ (giảm 7%); diện tích bị tác động khoảng 741,8 ha, tăng 67,3 ha (tăng 9,97%) so với năm 2023. Năm 2024 do ảnh hưởng của cơn bão số 3 - Siêu bão Yagi đã gây thiệt hại nặng nề đến sản xuất lâm nghiệp của các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Hồng và Trung du miền núi phía Bắc. Riêng về rừng, đã có 13 tỉnh bị thiệt hại với diện tích trên 174 nghìn ha. Trong đó, Quảng Ninh là tỉnh bị thiệt hại lớn nhất với khoản 111 nghìn ha.



Cầu cạn tại Bàu Sấu thuộc VQG Cát Tiên

<sup>4,5</sup> Hội thảo “Giải pháp thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới” ngày 27/02/2024.

# 4.

## XÂY DỰNG, BAN HÀNH CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CHÍNH



## 4.1. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH CHÍNH SÁCH VÀ VĂN BẢN QPPL TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

Năm 2024, Cục Lâm nghiệp đã tham mưu ban hành 12 văn bản QPPL lĩnh vực Lâm nghiệp, gồm 07 Nghị định và 05 Thông tư. Các chính sách tập trung vào các lĩnh vực: Sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp; chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp; Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp; Thanh lý rừng trồng; và các định mức kinh tế kỹ thuật trong Lâm nghiệp.

(xem Danh sách các VBQPPL tại Phụ lục 02).

## 4.2. VỀ TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CHÍNH CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP

Năm 2024, Bộ Nông nghiệp và PTNT (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, triển khai 12 Chương trình, đề án theo Chiến lược; ngoài ra tiếp tục hoàn thiện 02 Đề án để trình phê duyệt.

(xem Danh sách các Chương trình, Đề án tại Phụ lục 03).

## 4.3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH<sup>6</sup>

### \* Công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên

#### *Về quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ*

- *Về quản lý rừng đặc dụng:* Quản lý bảo vệ 167 khu rừng đặc dụng với tổng diện tích trên 2,3 triệu ha thuộc 54/63 tỉnh, thành phố, trong đó diện tích có rừng là trên 2,2 triệu ha.
- *Về quản lý rừng phòng hộ:* Tổng diện tích rừng phòng hộ đạt trên 5,5 triệu

ha, phân bố trên 59/63 tỉnh, thành phố với diện tích đất có rừng đạt gần 4,7 triệu ha; 216 ban quản lý rừng phòng hộ với diện tích được giao hơn 3,1 triệu ha.

#### *Công tác bảo vệ rừng*

Tiếp tục thực hiện bảo vệ tốt 14,87 triệu ha diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất).

#### *Công tác bảo tồn thiên nhiên*

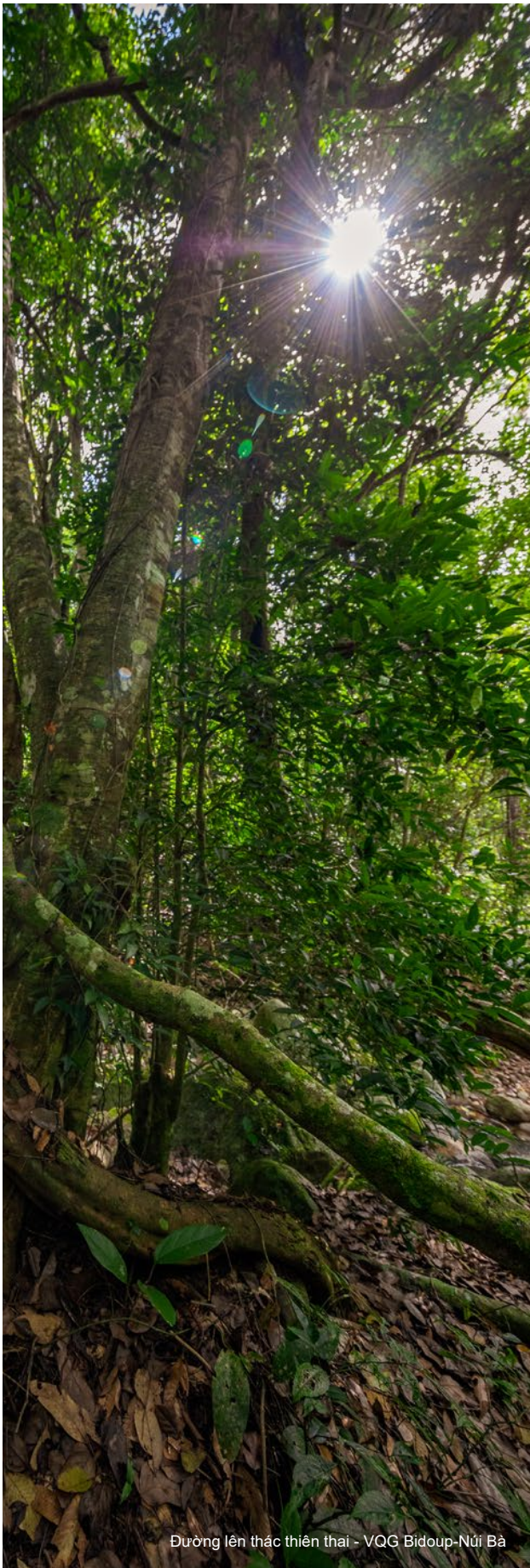
Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại 195 khu rừng đặc dụng. Công tác cứu hộ, bảo tồn loài được tăng cường, nhiều loài động, thực vật rừng đã được bảo tồn và cứu hộ như Linh trưởng, Hồ, Voi, Bò tót, Gấu, Tê tê, các loài thú móng guốc, thú ăn thịt nhỏ, các loài dược liệu, các cây gỗ quý.

### \* Phát triển rừng

#### *Về công tác giống*

- Về chọn tạo giống: Công nhận được 10 giống cây trồng lâm nghiệp mới, đang thẩm định cho 7 giống; bảo hộ cho 14 giống keo lai và keo tam bội, chấp nhận đơn cho 10 giống keo lai; Chọn lọc 760 cây trội cho 10 loài cây; Bảo tồn lưu giữ trên 36.000 mẫu nguồn gen thực vật; Xây dựng 80 ha rừng giống cho các loài cây trồng rừng chính; 24 ha mô hình trình diễn giống các giống cây lâm nghiệp.
- Về nhân giống: Đã cung ứng cho các đơn vị sản xuất trên 10 triệu cây giống đầu dòng, cây mầm và cây giống thương phẩm chất lượng cao phục vụ trồng rừng gỗ lớn và tái trồng rừng sau cơn bão số 3 (Yagi).

<sup>6</sup> Cục Lâm nghiệp, Báo cáo Tổng kết ngành Lâm nghiệp năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 ngày 26/12/2024.



Đường lên thác thiên thai - VQG Bidoup-Núi Bà

- Hướng dẫn kỹ thuật gây giống và chuyển giao: Đã xây dựng, hoàn thiện bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật gây trồng 20 loài cây trồng lâm nghiệp chính.

#### *Về khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng*

Giai đoạn 2021- 2024, công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng đạt 537 nghìn ha, bình quân đạt 134 nghìn ha/năm; năm 2024 đạt 130 nghìn ha.

#### *Về trồng rừng và nâng cao chất lượng rừng*

Năm 2024 trồng 254 nghìn ha rừng trồng tập trung, trên 445 nghìn ha rừng trồng gỗ lớn; 63 nghìn ha diện tích chuyển hóa rừng trồng gỗ lớn, 124 triệu cây phân tán. Diện tích rừng trồng được chăm sóc bình quân giai đoạn 2021- 2024 đạt 585 nghìn ha/năm, năm 2024 đạt 614 nghìn ha.

Năng suất, chất lượng rừng trồng được cải thiện, năng suất rừng bình quân đạt khoảng 18 m<sup>3</sup>/ha/năm; nhiều địa phương áp dụng biện pháp thâm canh năng suất đạt từ 35-40 m<sup>3</sup>/ha/năm.

#### *Về phát triển lâm sản ngoài gỗ*

Ngành Lâm nghiệp đã triển khai thực hiện công tác phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, các chương trình phát triển lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao (Sâm, dược liệu ...).

#### *Về tổ chức sản xuất lâm nghiệp*

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Năm 2024, cả nước đã thực hiện thí điểm cấp mã số vùng trồng rừng nguyên liệu được 10.400 ha.



### \* Về sử dụng rừng

Về quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

- Quản lý rừng bền vững: Đã xây dựng, phê duyệt phương án đạt 83,5% về số lượng và 92,7% về diện tích rừng, trong đó: 93% số lượng và 98,4% về diện tích các chủ rừng là Ban quản lý rừng đặc dụng đã xây dựng phương án quản lý rừng bền vững; Ban quản lý rừng Phòng hộ tương ứng là 79,4% và 94,8%. Công ty Lâm nghiệp nhà nước đạt khoảng 77,3% về số lượng.

- Cấp chứng chỉ rừng: Diện tích rừng được cấp chứng chỉ là 139.187 ha, tăng gấp gần 2 lần so với năm 2023, nâng tổng diện tích rừng đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên phạm vi cả nước là 619.187 ha.

### *Về khai thác gỗ*

Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tập trung đạt 22,7 triệu m<sup>3</sup> (giai đoạn 2021-

2024 đạt bình quân trên 20,5 triệu m<sup>3</sup>/năm). Sản lượng khai thác từ cây trồng phân tán và cao su ước đạt 8 triệu m<sup>3</sup>, tăng 3% so với năm 2023. Sản lượng củi: ước đạt 17,6 triệu ster, tương đương năm 2023. Hiện nay, nguồn nguyên liệu gỗ phục vụ cho chế biến tiêu dùng trong nước và xuất khẩu cơ bản từ gỗ rừng trồng trong nước, cây phân tán và một phần gỗ nhập khẩu với tổng sản lượng đạt khoảng 31,0-31,5 triệu m<sup>3</sup>, đáp ứng khoảng 75% nhu cầu chế biến, thương mại.

Đối với rừng tự nhiên tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030.

### *Về chế biến lâm sản*

Cả nước có khoảng trên 16 nghìn cơ sở chế biến gỗ và lâm sản quy mô hộ gia đình, 300 làng nghề làm mộc truyền thống và 6.234 doanh nghiệp chế biến, thương mại gỗ và lâm sản tham gia hoạt động chế biến lâm sản. Trong đó: Doanh nghiệp trong nước, chiếm 82,8%; doanh

<sup>7</sup> Cục Lâm nghiệp, Báo cáo thực trạng ngành Lâm nghiệp, 2025.



Gỗ khai thác tại Gia Lai (Bình Định trước đây)

ngành đầu tư nước ngoài - FDI, chiếm 13,2%; doanh nghiệp đến từ khu vực tư nhân, chiếm 95%. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm gỗ chiếm 79,1%; chế biến lâm sản ngoài gỗ chiếm 7,4%; sản xuất ván nhân tạo chiếm 9,3%; dăm gỗ chiếm 3%, pallet chiếm 0,9% và viên nén gỗ 0,4%.<sup>7</sup> Các doanh nghiệp tập trung tại vùng Đông Nam Bộ chiếm 41,5%, Vùng Đồng Bằng sông Hồng chiếm 17,8%, vùng Bắc Trung Bộ 11,1%, vùng Đông Bắc 10%, vùng Nam trung Bộ 9,8%, các vùng còn lại chiếm 9,9%.

### *Về phát triển du lịch sinh thái*

Hiện tại có 61/195 khu rừng đặc dụng, 7 BQL rừng phòng hộ tổ chức các hoạt động DLST. Năm 2024 VQG đã đón 2,19 triệu khách du lịch và doanh thu 538,781 tỷ đồng. Với 6 VQG trực thuộc Bộ NN&MT đã đón 718.401 lượt khách, tăng 25% so với năm 2023; Tổng kinh phí thu được 52.961 triệu đồng, tăng 24% so với năm 2023.

### *Về khai thác dịch vụ môi trường rừng*

Tổng nguồn thu từ các loại DVMTR giai đoạn năm 2021-2024 là 14.663,86 tỷ đồng, trong đó: Thu từ DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ là 13.407,34 tỷ đồng; Thu từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) theo quy định tại Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ là 1.256,52 tỷ đồng.

Năm 2024, tổng thu DVMTR đạt 3.741 tỷ đồng, thu từ DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP là 3.481,3 tỷ đồng, vượt 8,81% kế hoạch thu năm 2024, tăng 10,9% so với năm 2023.

Diện tích rừng được chi trả tiền DVMTR là 7,45 triệu ha, chiếm 53,53% tổng diện tích rừng toàn quốc.

### **\* Chế biến và thương mại lâm sản**

#### *Về xuất khẩu gỗ và lâm sản*

Trong thời gian qua, giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng trưởng trung bình quân trên 10%/năm, từ 15,8 tỷ USD vào năm 2021 và năm 2024 là 17,35 tỷ USD (chi tiết tại Phụ lục 04).

Năm 2024, Việt Nam đã xuất khẩu lâm sản sang gần 170 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó 5 thị trường chính là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và EU đạt gần 15,2 tỷ USD, chiếm trên 87% tổng kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường này tăng khoảng 12% so với năm 2023.

#### *Về nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ*

Năm 2024 đạt 2,75 tỷ USD tăng 25,5% so với năm 2023 (năm 2023 đạt 2,19 tỷ USD).

*Về xuất siêu:* năm 2024 đạt 14,6 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2023.

# 5.

## TÀI CHÍNH LÂM NGHIỆP



Nấm Linh chi đỏ thuộc MH trồng nấm dưới tán rừng gỗ lớn  
tại Bến Hải, tỉnh Quảng Trị



Rừng gỗ lớn của Công ty TNHH LN Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

## CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH HIỆN CÓ

Năm 2024, tổng kinh phí huy động là 19.849 tỷ đồng, trong đó Ngân sách Nhà nước là 3.051 tỷ đồng bao gồm cả nguồn ngân sách Trung ương và địa phương (chiếm 15,37% tổng kinh phí huy động), còn lại là nguồn khác.

Về tín dụng ngân hàng, doanh số cho vay của các tổ chức tín dụng đối với ngành lâm nghiệp từ năm 2021 đến tháng 9 năm 2024 đạt 1,28 triệu tỷ đồng, dư nợ đạt 217 nghìn tỷ đồng.

Năm 2024 nguồn DVMTR đạt 3.763 tỷ đồng, tăng 9.5% so với năm 2023, vượt 8,12% so với chỉ tiêu kế hoạch. Nguồn tiền từ dịch vụ môi trường rừng đã góp phần quản lý bảo vệ hơn 7,3 triệu ha rừng, chiếm 49,6% tổng diện tích rừng toàn quốc.

Tổng số dự án ODA đang thực hiện gồm 15 dự án và đang xây dựng 10 dự án.

# 6.

## ĐÁNH GIÁ CHUNG



Đường lên bãi cắm trại gần trung tâm du lịch  
VQG Bidoup-Núi Bà

## 6.1. ƯU ĐIỂM

- Các chỉ tiêu nhiệm vụ của ngành cơ bản đạt kế hoạch năm đề ra; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng; chỉ đạo quyết liệt và đưa ra nhiều giải pháp kịp thời và phù hợp góp phần duy trì kết quả khả quan, góp phần quan trọng vào kết quả của Bộ;
- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương đã phân bổ kịp thời, đúng quy định đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ và phát triển rừng.
- Chi trả dịch vụ môi trường rừng tiếp tục được triển khai hiệu quả, góp phần bảo vệ rừng, tăng thu nhập cho người dân, các đơn vị tham gia bảo vệ rừng;
- Triển khai xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng; cơ bản hoàn thiện hệ thống chính sách về lâm nghiệp.
- Hợp tác quốc tế về lâm nghiệp phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, qua đó tăng cường hợp tác phát triển sản xuất và thúc đẩy thị trường xuất khẩu lâm sản, phát triển thị trường các-bon.

## 6.2. HẠN CHẾ

- Do biến đổi khí hậu diễn biến bất thường, hiện tượng thời tiết nắng nóng, khô hanh kéo dài tại nhiều địa phương nên nguy cơ cháy rừng luôn ở mức cao, đây là tác nhân gây ra những đợt cháy rừng thiệt hại cả về người và của; cơn bão số 3 (Yagi) gây thiệt hại nặng nề đến sản xuất Lâm nghiệp tại các tỉnh Đông Bắc Bộ
- Độ che phủ rừng có tăng, nhưng chất lượng và tính đa dạng sinh học của rừng tự nhiên chưa cao; Năng

suất rừng trồng thấp, chất lượng chưa đồng đều.

- Quy mô sản xuất lâm nghiệp phổ biến còn nhỏ; tổ chức liên kết theo chuỗi có cải tiến nhưng chưa nhiều, mối liên kết giữa người trồng rừng với doanh nghiệp chế biến và thị trường chưa chặt chẽ. Năng suất lao động trong chế biến lâm sản còn thấp. Thương hiệu doanh nghiệp, thương hiệu quốc gia còn chưa được quan tâm đúng mức.
- Hình thức tổ chức sản xuất trong lâm nghiệp chưa đa dạng, kinh tế hợp tác chưa phát triển, chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số hợp tác xã trong nông nghiệp.
- Tình trạng phá rừng tự nhiên trái pháp luật để lấy đất; khai thác rừng trái phép; tranh chấp đất lâm nghiệp ở một số địa phương chưa được xử lý dứt điểm; vẫn còn những điểm nóng về phá rừng tự nhiên gây dư luận không tốt trong xã hội.
- Giá trị thu nhập trên 1 ha rừng còn thấp, đa số người dân làm nghề rừng còn nghèo.
- Kết cấu hạ tầng cho phát triển lâm nghiệp chưa được đầu tư đúng mức, nhất là tại các Ban quản lý rừng, công ty lâm nghiệp hạ tầng cơ sở yếu kém, trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác nghiên cứu và sản xuất giống còn thiếu và lạc hậu việc xác định ranh giới, diện tích trên bản đồ và ngoài thực địa ở các khu rừng đặc dụng, phòng hộ khi thành lập nhiều điểm còn chưa thống nhất, dẫn đến chồng lấn với các chủ sử dụng khác.
- Công tác trồng rừng phòng hộ, đặc dụng gặp nhiều khó khăn do quỹ đất trồng rừng manh mún, phân bố ở những nơi xa xôi, đòi hỏi chi phí cao.

# 7.

## PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025



Cây gỗ đỏ bắc Đông  
VQG Cát Tiên

## 7.1. BỐI CẢNH

Năm 2025, đất nước đứng trước cánh cửa lịch sử để bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cả nước tập trung thực hiện sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, do đó yêu cầu đặt ra với mỗi đơn vị là vừa phải thực hiện hoàn thành công tác sắp xếp bộ máy, ổn định tổ chức, vừa đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn được giao, đồng thời, thực hiện chế độ chính sách và ổn định tư tưởng cho công chức, viên chức và người lao động trong quá trình sắp xếp, bố trí cán bộ.

Chiến lược giữa các nước lớn vẫn gay gắt, cuộc xung đột quân sự Nga - Ucraina vẫn tiếp diễn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; kinh tế thế giới năm 2025 chịu sức ép từ lãi suất cao, căng thẳng thương mại, xung đột quân sự, biến động chính trị. Điều này, có thể ảnh hưởng đến nhu cầu về gỗ và sản phẩm gỗ năm 2025 biến động, khó lường.

Tuy vậy, ngành Lâm nghiệp được kỳ vọng duy trì phát triển theo hướng bền vững với mục tiêu quan trọng là bảo vệ và quản lý hiệu quả hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị của rừng, đảm bảo phát triển cả 03 trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Để thực hiện được mục tiêu này, đòi hỏi toàn ngành phải nỗ lực phấn đấu, tập trung nguồn lực, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp, hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2025.

## 7.2. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Thực hiện hiệu quả Luật Lâm nghiệp và các văn bản quy định, hướng dẫn triển khai Luật; tiếp tục tham mưu hoàn thiện các cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về lâm nghiệp; hoàn thành kế hoạch

xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 được Bộ giao đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng.

2. Thực hiện kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm sau khi hợp nhất theo chỉ đạo của Bộ; quản lý, sử dụng công chức, viên chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động theo đúng quy định.
3. Tổ chức triển khai hiệu quả chiến lược, quy hoạch, các chương trình, đề án của ngành: Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Quy hoạch Lâm nghiệp Quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch cơ cấu lại ngành lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025; Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08/3/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW...
4. Chỉ đạo tăng cường lực lượng kiểm tra, đôn đốc công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng tại các vùng trọng điểm; thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa các lực lượng trong việc phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp.
5. Tăng cường công tác quản lý chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp, tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện

các tiêu chuẩn quốc gia về công tác quản lý giống. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp; thâm canh rừng phù hợp với hệ sinh thái để nâng cao năng suất, sản lượng rừng trồng, phát triển rừng trồng kinh doanh gỗ lớn.

- Thực hiện kế hoạch quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; triển khai các hoạt động về bảo tồn đa dạng sinh học hệ sinh thái rừng; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; sử dụng môi trường rừng bền vững; tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Thiết lập các lâm phận rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ổn định: Triển khai dự án thành lập mới, mở rộng, chuyển loại các khu rừng đặc dụng theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024.

- Chủ động hợp tác quốc tế nhằm vận động, thu hút nguồn vốn thông qua các chương trình, dự án cho lâm nghiệp; phát triển thị trường xuất khẩu lâm sản phù hợp với luật pháp quốc tế và các hiệp định đã ký kết.
- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông ngành lâm nghiệp, gắn với thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ và Bộ giao; đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; tổ chức đào tạo, tập huấn, phổ biến nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình.
- Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026-2030.



Chăm sóc, tưới, cảnh rừng trồng gỗ lớn tại Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai



Ruộng lúa tại thung lũng Khu dự trữ thiên nhiên  
Thần Sa - Phương Hoàng, tỉnh Thái Nguyên

## CÁC PHỤ LỤC

## Phụ lục 01. Các kết quả chính đạt được của ngành Lâm nghiệp năm 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2024	KQ năm 2024
<b>I. Về kinh tế</b>			
1. Tốc độ tăng giá trị SX ngành LN	%	3,5-4	4,96
2. Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản	Tỷ USD	15,2	17,35
3. Trồng rừng tập trung	1000ha	245	255
4. Trồng cây phân tán	Tr. Cây	130	124
5. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	Tr. m <sup>3</sup>	22,5	22,7
6. Thu dịch vụ môi trường rừng	Tỷ đồng	3.200	3.741
Trong đó, thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng	Tỷ đồng		259
7. Diện tích rừng cấp chứng chỉ	1000 Ha	60	65
8. Năng suất chất lượng rừng trồng	Tr m <sup>3</sup> /ha		18
<b>II. Về xã hội</b>			
1. Tỷ lệ lao động LN được đào tạo nghề	%		
2. Hộ miền núi, dân tộc thiểu số sống ở vùng có tham gia hoạt động SXLN	%		
3. Tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho người dân tham gia lâm nghiệp	Tr. Người		20
<b>III. Về môi trường</b>			
1. Tỷ lệ che phủ rừng	%	42,03	42,03
2. Bảo vệ rừng	Tr.ha	14,86	14,86
3. Bảo tồn ĐDSH	Khu	167	167

*Nguồn: Cục Lâm nghiệp, 2024*

## Phụ lục 02. Kết quả ban hành các văn bản quy phạm pháp luật ngành Lâm nghiệp

### ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2024

TT	Loại văn bản	Số, ký hiệu	Thời gian ban hành	Trích yếu
1	Nghị định	04/2024/NĐ-CP	12/01/2024	Nghị định số 04/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.
2	Nghị định	27/2024/NĐ-CP	06/3/2024	Nghị định số 27/2024/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
3	Nghị định	58/2024/NĐ-CP	24/5/2024	Nghị định số 58/2024/NĐ-CP của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp.
4	Nghị định	91/2024/NĐ-CP	22/7/2024	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, về Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
5	Nghị định	120/NĐ-CP	30/9/2024	Nghị định số 120/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam.
6	Nghị định	140/NĐ-CP	25/10/2024	Nghị định số 140/NĐ-CP quy định về thanh lý rừng trồng.

TT	Loại văn bản	Số, ký hiệu	Thời gian ban hành	Trích yếu
7	Nghị định	159/2024/NĐ-CP	18/12/2024	Nghị định số 159/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng
8	Thông tư	05/2024/TT-BNNPTNT	19/4/2024	Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT quy định về định mức kinh tế kỹ thuật điều tra rừng.
9	Thông tư	11/2024/TT-BNNPTNT	04/9/2024	Thông tư số 11/2024/TT-BNNPTNT quy định về định mức kinh tế kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.
10	Thông tư	22/2024/TT-BNNPTNT	11/12/2024	Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (thay thế Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 9 năm 2022)
11	Thông tư	23/2024/TT-BNNPTNT	11/12/2024	Thông tư số 23/2024/TT-BNNPTNT quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng.
12	Thông tư	24/2024/TT-BNNPTNT	12/12/2024	Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.

## Phụ lục 03. Các chương trình, Đề án ngành Lâm nghiệp

### CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì
1	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Cục Lâm nghiệp
2	Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Lâm nghiệp
3	Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng	Cục Lâm nghiệp
4	Đề án Phát triển bền vững cây Mắc Ca giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Cục Lâm nghiệp
5	Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021- 2030”	Cục Lâm nghiệp
6	Đề án trồng 1 tỷ cây xanh phân tán giai đoạn 2021-2025	Cục Lâm nghiệp
7	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 – 2030	Cục Lâm nghiệp
8	Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 – 2030	Cục Lâm nghiệp
9	Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn 2030	Cục Lâm nghiệp
10	Kế hoạch “Phát triển rừng trồng sản xuất gỗ lớn giai đoạn 2024-2030”	Cục Lâm nghiệp
11	Chương trình phát triển lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2030 và định hướng 2045	Cục Lâm nghiệp
12	Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030	Cục Kiểm lâm

### CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ĐANG XÂY DỰNG, TRÌNH BAN HÀNH, SẼ XÂY DỰNG

TT	Tên văn bản	Đơn vị chủ trì
1	Chương trình BV&PTR 2026-2030	Cục LN và KL
2	Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Cục LN và KL

## Phụ lục 04. GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU LÂM SẢN GIAI ĐOẠN 2021-2024

Đơn vị tính: Triệu USD

STT	Sản phẩm	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
	<b>TỔNG</b>	<b>15,803.5</b>	<b>17,094.7</b>	<b>14,475.2</b>	<b>17,352.2</b>
<b>I</b>	<b>Gỗ và SPG</b>	<b>14,651.3</b>	<b>16,008.9</b>	<b>13,467.7</b>	<b>16,282.2</b>
<b>1</b>	<b>Gỗ nguyên liệu</b>	<b>3,737.1</b>	<b>4,968.2</b>	<b>4,354.0</b>	<b>5,025.0</b>
a	Dăm gỗ	1,729.5	2,776.9	2,268.8	2,410.1
b	Gỗ khác	72.9	26.2	64.9	71.3
c	Gỗ tròn	1.2	2.2	3.0	8.1
d	Gỗ xẻ	49.0	37.5	86.0	95.4
e	Ván các loại	1,460.4	1,306.9	1,255.9	1,634.1
f	Viên nén gỗ	424.1	818.5	675.4	806.1
<b>2</b>	<b>Sản phẩm gỗ</b>	<b>10,914.2</b>	<b>11,040.7</b>	<b>9,113.7</b>	<b>11,257.2</b>
a	Đồ nội, ngoại thất	10,152.8	10,166.3	8,376.1	10,320.1
b	Sản phẩm gỗ khác	305.8	342.5	268.2	350.5
c	Sản phẩm gỗ xây dựng	455.6	531.9	469.4	586.6
<b>II</b>	<b>Lâm sản ngoài gỗ</b>	<b>1,152.2</b>	<b>1,085.8</b>	<b>1,007.5</b>	<b>1,070.1</b>
1	Mây tre	878.5	818.5	733.3	804.1
2	Quế hồi	273.7	267.3	274.2	266.0



# TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Lâm nghiệp (2024), Tổng kết ngành Lâm nghiệp năm 2024 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2025.
2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025), Báo cáo Kết quả thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021- 2025.
3. Cục Lâm nghiệp (2025), Báo cáo thực trạng lĩnh vực Lâm nghiệp.
4. Cục Lâm nghiệp (2024), Báo cáo đánh giá kết quả 03 năm (2021- 2023) thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050.
5. Một số tài liệu có liên quan khác